

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 07
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	08 - 56
Bảng cân đối kế toán	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	14 - 56



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010 và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Đặng Tiên Phong	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Nguyễn Văn Hiến	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/07/2015
Ông Lê Xuân Thi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên	
Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên	
Bà Phùng Minh Bằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/09/2015 Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Phan Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/07/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Phạm Văn Nghĩa	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
Ông Nguyễn Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tất Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Xuân Thi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/09/2015
Bà Phùng Minh Bằng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/09/2015

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Anh Tài	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Hoàng Tùng Thiện	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Văn Nghĩa

Nguyễn, Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc đương nhiệm của Tổng Công ty xác nhận chữ ký trên Báo cáo này là của Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.



Lã Tuấn Hưng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

Số: *27*.../2017/BC.KTTC-AASC.KT1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng được lập ngày 12 tháng 01 năm 2017, từ trang 8 đến trang 56, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

- Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và 31/12/2015. Điều này dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Tổng Công ty. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận tại thời điểm 31/12/2014 với giá trị lần lượt là 133,84 tỷ đồng và 90,94 tỷ đồng và tại thời điểm 31/12/2015 lần lượt là 273,08 tỷ đồng và 119,47 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty.
- Một số khoản công nợ phải thu với tổng số dư là 37,9 tỷ đồng có dấu hiệu khó có khả năng thu hồi nhưng Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá, thẩm định và ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này. Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được chúng tôi ước tính là 28,4 đồng, trong đó dự phòng ước tính lũy kế đến 31/12/2014 là 27,2 tỷ đồng và cho năm 2015 là 1,2 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo quy định thì chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại 31/12/2015 sẽ cùng giảm đi 28,4 tỷ đồng và chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 tăng 1,2 tỷ đồng.
- Một số khoản công nợ phải thu với tổng số tiền là 97,5 tỷ đồng có dấu hiệu khó có khả năng thu hồi nhưng Tổng công ty chưa thể đánh giá, thẩm định giá trị tổn thất dự kiến, trong đó một số khoản công nợ liên quan đến các dự án, công trình đang thực hiện hoặc có thể thu hồi từ các tài sản khác. Theo đó, Tổng Công ty chưa xác định và ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này. Vì vậy, với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể đánh giá được mức độ ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính riêng.
- Một số nhà thầu phụ đã dừng thi công ("Dự án Thoát nước Hà Nội") hoặc công trình đã hoàn thành, nghiệm thu với chủ đầu tư ("Công trình Nhà thi đấu đa năng TP Đà Nẵng, Công trình Trung tâm Hành chính Đà Nẵng") nhưng khoản tiền ứng trước cho các nhà thầu này vẫn chưa được Tổng Công ty quyết toán với nhà thầu. Tổng số tiền còn dư đến 31/12/2015 là 99,25 tỷ đồng. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính riêng cũng như việc liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.
- Trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015, Tổng Công ty đã ghi nhận thu nhập cho thuê tài sản năm 2015 đối với Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng ("Công ty Cơ giới") và chi phí cho thuê (gồm khấu hao, lãi vay), với cùng một số tiền là: 5,1 tỷ đồng; thu nhập và chi phí cho thuê 6 tháng cuối năm 2014 trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014 với cùng số tiền là 2,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng chưa thực hiện đối chiếu, xác nhận số tiền thuê phải thanh toán từ 01/07/2014 đến 31/12/2015 như các năm trước. Do đó, thu nhập về cho thuê tài sản trên có thể sẽ thay đổi sau khi hai bên thống nhất về khoản tiền này. Với các tài liệu đã thu thập được, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề trên đến Báo cáo tài chính kèm theo.
- Dự án Khu đô thị Sông Hồng - Nhơn Trạch đã dừng thực hiện và có kế hoạch chuyển về Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn tiếp tục triển khai. Tuy nhiên, tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này Tổng Công ty vẫn chưa hoàn thành việc chuyển giao dự án này. Do đó, chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty. (xem Thuyết minh số 9).
- Ngày 01/08/2016, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 751/QĐ-BXD ("Quyết định 751") về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 02/06/2010 để bàn giao doanh nghiệp nhà nước Công ty Mẹ - Tổng công ty Sông Hồng sang Công ty Mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh số liệu theo Quyết định 751. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ thông tin về các nội dung cần điều chỉnh theo Quyết định này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính.

- Đến 31/12/2015, các thủ tục bàn giao Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng ("Trường") - đơn vị trực thuộc Tổng Công ty về Bộ Xây dựng vẫn chưa hoàn thành. Trong năm 2015, Trường đã thực hiện điều chỉnh hồi tố hủy các bút toán đã trích khấu hao từ năm 2007 đến năm 2013 các tài sản cố định của Trường hình thành từ nguồn Kinh phí sự nghiệp đã được chuyển sang nguồn vốn kinh doanh từ thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp năm 2010. Đồng thời, Trường chưa thực hiện trích khấu hao của các tài sản cố định này trong năm 2014 và 9 tháng đầu năm 2015. Nếu thực hiện khấu hao theo quy định thì chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và phần chênh lệch giữa Tổng tài sản và Nợ phải trả đang trình bày trên chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty sẽ cùng giảm đi 13,06 tỷ đồng.
- Đến năm 2015, Tổng Công ty đã cho bà Lê Thị Minh Nguyệt và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê phần diện tích tạm tính của khu văn phòng và khu dịch vụ thuộc dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 mà Tổng Công ty đang trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là tài sản xây dựng cơ bản dở dang (giá trị tài sản dở dang tạm tính là 23,73 tỷ đồng - Xem thuyết minh số 9). Trong đó: giá trị cho Bà Lê Thị Nguyệt thuê được phản ánh ở chỉ tiêu người mua trả tiền trước ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán là 21,45 tỷ đồng (xem thuyết minh số 15); giá trị cho Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê được phản ánh ở chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán là 54,97 tỷ đồng (xem thuyết minh số 19). Hiện nay, thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn tất nên Tổng công ty chưa hạch toán tăng bất động sản đầu tư, chưa ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty.
- Chi phí quản lý chung của đơn vị trực thuộc Tổng Công ty là Ban điều hành gói thầu số 3 - Dự án thoát nước Hà Nội được ghi nhận vào giá vốn trong năm 2015 với số tiền 2,15 tỷ đồng, số dư chi phí quản lý chưa phân bổ đang theo dõi trên chỉ tiêu Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại 31/12/2015 của Ban Điều hành là 3,8 tỷ đồng. Chúng tôi chưa được cung cấp tài liệu làm cơ sở phân bổ chi phí quản lý chung của Ban điều hành. Với những thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không xác định được liệu có phải điều chỉnh số liệu này hay không.

#### ***Ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

- Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, tới ngày phát hành Báo cáo này Dự án vẫn chưa hoàn thành thủ tục quyết toán dự án đầu tư hoàn thành và xác định kết quả phân chia giữa các bên tham gia hợp tác đầu tư. Theo Biên bản tạm xác nhận lợi nhuận đầu tư dự án đã ký giữa Ban Quản lý Dự án Thái Hà, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng ngày 19/06/2015 thì lợi nhuận tạm phân chia từ việc bán căn hộ chung cư cho Tổng Công ty được xác định là 103,92 tỷ đồng. Tổng Công ty đã tạm hạch toán lợi nhuận từ phần bán căn hộ của Dự án là 103,92 tỷ đồng (Thuyết minh số 33).





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.085.184.226.284</b>	<b>1.007.191.591.651</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.442.652.946	18.320.352.820
111 1. Tiền		17.442.652.946	18.320.352.820
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		829.813.086.773	757.363.579.755
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	304.001.625.120	313.437.985.017
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	327.609.475.904	319.963.422.465
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	225.644.368.414	151.712.413.198
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(27.442.382.665)	(27.750.240.925)
140 IV. Hàng tồn kho	8	214.734.135.934	213.046.280.323
141 1. Hàng tồn kho		214.734.135.934	213.046.280.323
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		23.194.350.631	18.461.378.753
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	314.099.432	591.935.641
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.742.192.686	10.950.144.601
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	7.138.058.513	6.919.298.511
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>466.781.284.323</b>	<b>561.252.548.512</b>
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		262.764.463.170	103.590.255.466
216 1. Phải thu dài hạn khác	7	262.764.463.170	103.590.255.466
220 II. Tài sản cố định		24.208.040.030	95.348.430.021
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	24.208.040.030	59.315.230.021
222 - Nguyên giá		63.409.743.230	98.282.087.628
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(39.201.703.200)	(38.966.857.607)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	-	36.033.200.000
228 - Nguyên giá		-	36.033.200.000
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		75.112.089.611	72.401.369.186
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	75.112.089.611	72.401.369.186
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	79.104.135.244	260.053.986.154
251 1. Đầu tư vào công ty con		63.762.297.883	69.617.506.524
252 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		180.881.305.750	177.858.901.268
253 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.528.713.942	151.278.302.584
254 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(176.068.182.331)	(138.700.724.222)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		25.592.556.268	29.858.507.685
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	25.592.556.268	29.858.507.685
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.551.965.510.607</b>	<b>1.568.444.140.163</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.323.441.523.516</b>	<b>1.292.113.839.127</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>993.790.165.776</b>	<b>767.371.853.444</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	335.590.262.993	357.564.406.218
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	175.120.858.621	98.152.570.364
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	705.776.098	552.401.846
314 4. Phải trả người lao động		7.660.969.125	5.625.520.198
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	212.248.155.007	204.450.610.543
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	18	53.237.726.203	77.219.997.311
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	208.890.553.439	23.035.962.674
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		335.864.290	770.384.290
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>329.651.357.740</b>	<b>524.741.985.683</b>
336 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	55.246.567.272	55.488.991.515
337 2. Phải trả dài hạn khác	18	267.130.769.879	264.927.224.258
338 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	7.274.020.589	204.325.769.910

105  
NG T  
HIỆM  
KIẾ  
AA  
N KIẾ

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

212 NGUỒN VỐN		31/12/2015	01/01/2015
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>228.523.987.091</b>	<b>276.330.301.036</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>227.462.246.564</b>	<b>276.059.052.468</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		270.000.000.000	270.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		270.000.000.000	270.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		22.519.497.214	22.519.497.214
418 3. Quỹ đầu tư phát triển		26.293.456.226	26.293.456.226
419 4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		25.981.000	25.981.000
420 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.941.310.206	5.941.310.206
421 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(97.317.998.082)	(48.721.192.178)
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(48.721.192.178)	(49.151.964.790)
421b - LNST chưa phân phối năm nay		(48.596.805.904)	430.772.612
<b>430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		<b>1.061.740.527</b>	<b>271.248.568</b>
431 1. Nguồn kinh phí	<b>21</b>	931.046.083	140.554.124
432 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		130.694.444	130.694.444
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.551.965.510.607</b>	<b>1.568.444.140.163</b>

Nguyễn Thị Điển

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

Phùng Minh Bằng

Kế toán trưởng

Phạm Văn Nghĩa

Tổng Giám đốc

Chúng tôi, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đương nhiệm của Tổng Công ty, xác nhận chữ ký trên Báo cáo tài chính này là của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017



Lê Tuấn Hưng

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 (Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	502.818.742.186	869.166.827.764
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		502.818.742.186	869.166.827.764
11	3. Giá vốn hàng bán	24	497.737.896.212	844.351.249.039
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.080.845.974	24.815.578.725
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	15.108.195.737	15.063.876.143
22	6. Chi phí tài chính	26	48.091.113.850	13.622.340.021
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		10.693.797.901	2.528.429.169
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	33.124.168.642	35.084.857.781
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(61.026.240.781)	(8.827.742.934)
31	9. Thu nhập khác	28	18.159.574.409	18.886.123.032
32	10. Chi phí khác	29	5.730.139.532	9.627.607.486
40	11. Lợi nhuận khác		12.429.434.877	9.258.515.546
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(48.596.805.904)	430.772.612
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(48.596.805.904)	430.772.612

Nguyễn Thị Điền  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

Phùng Minh Bằng  
Nguyễn Kế toán trưởng

Phạm Văn Nghĩa  
Nguyễn Tổng Giám đốc

Chúng tôi, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đương nhiệm của Tổng Công ty, xác nhận chữ ký trên Báo cáo tài chính này là của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Nguyễn Thị Nhung  
Kế toán trưởng  
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017



Lã Tuấn Hưng  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(48.596.805.904)</b>	<b>430.772.612</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	- Khấu hao tài sản cố định	1.659.609.769	1.781.409.381
03	- Các khoản dự phòng	37.133.382.109	10.711.220.870
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(15.108.195.737)	(15.538.876.143)
06	- Chi phí lãi vay	10.693.797.901	1.469.376.420
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(14.218.211.862)</b>	<b>(1.146.096.860)</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	2.489.497.421	103.435.798.351
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(1.297.653.270)	65.812.701.927
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	25.205.466.482	(147.994.986.260)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	4.578.843.571	1.950.697.163
14	- Tiền lãi vay đã trả	(913.740.729)	(1.658.555.195)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(492.341.432)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	825.070.556	9.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	926.097.226	(680.691.787)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>17.595.369.395</b>	<b>19.235.525.907</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(2.683.196.059)	(10.077.100.904)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và	-	25.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	-	(11.242.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	12.242.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(7.528.036.366)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.890.000.000	18.324.080.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	46.271.712	4.559.249.615
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(7.274.960.713)</b>	<b>13.831.228.711</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu đi vay	34.666.298.203	19.410.750.875
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(45.863.456.759)	(70.161.978.829)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(950.000)	(17.800.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(11.198.108.556)</b>	<b>(50.769.027.954)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(877.699.874)</b>	<b>(17.702.273.336)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 (Đã điều chỉnh) VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.320.352.820	36.022.626.156
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>17.442.652.946</u>	<u>18.320.352.820</u>

Nguyễn Thị Điền  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

Phùng Minh Bằng  
Kế toán trưởng

Phạm Văn Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Chúng tôi, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đương nhiệm của Tổng Công ty, xác nhận chữ ký trên Báo cáo tài chính này là của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Nguyễn Thị Nhung  
Kế toán trưởng  
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017



Lê Tuấn Hưng  
Tổng Giám đốc

1106  
CÔNG TY  
CƠ HỮU  
LIÊN T  
ASC  
LIÊN T

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010 và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

##### Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Trường trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ Sông Hồng (đã bàn giao về Bộ Xây dựng)	Khu 6B, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6	Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà thi đấu Đà Nẵng	Đường 2/9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Ban Quản lý Công trình Cấp thoát nước Hà Nội	Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Công trình Khách sạn Royal Sông Hồng	Số 144 Phan Bội Châu, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
Ban điều hành Công trình Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban quản lý Dự án Khu đô thị Sông Hồng - Nhơn Trạch	Số A38, ấp Thị Cầu, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

<u>Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà thi đấu đa năng Tỉnh Nam Định	Phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 38.

### 2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty. Trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tổng Công ty.



Theo hướng dẫn tại các văn bản số 1549/QĐ-Ttg ngày 08/09/2015 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc chuyển Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về Bộ Xây dựng; văn bản số 1075/QĐ-BXD ngày 21/09/2015 của Bộ Xây dựng về việc tiếp nhận Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng, tại thời điểm 30/9/2015, đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty là Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng (“Trường”) đã thực hiện công tác kiểm toán và nộp hồ sơ bàn giao về Bộ Xây dựng. Cụ thể các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Trường tại 30/09/2015 như sau: Tài sản ngắn hạn: 2,38 tỷ đồng; Tài sản dài hạn: 64,42 tỷ đồng; Nợ phải trả: 1,59 tỷ đồng và Vốn chủ sở hữu: 65,22 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2015, Bộ Xây dựng chưa có quyết định chính thức về việc nhận bàn giao. Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2015 của Trường được tổng hợp vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty như sau: các chỉ tiêu Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015 được tổng hợp vào kết quả kinh doanh năm 2015 của Tổng Công ty; chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại 30/09/2015 được phản ánh trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác của Tổng Công ty với số tiền 65,22 tỷ đồng.

## 2.5 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- *Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:* căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.



- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## 2.8 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |           |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10-15 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 03-08 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 06-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 03-08 năm |

## 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

#### 2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, trích trước giá vốn công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



## 2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Đối với Dự án I1, I2, I3 Thái Hà - Dự án Tổng Công ty tham gia đầu tư (chi tiết Thuyết minh số 7 - Các khoản phải thu khác), chủ đầu tư được áp dụng thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, được quy định tại Nghị Quyết số 34/2007/NQ-CP ngày 03/07/2007 của Chính Phủ về một số giải pháp để thực hiện việc cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

## 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp đó.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.228.490.638	2.469.464.989
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.214.162.308	15.850.887.831
	<u>17.442.652.946</u>	<u>18.320.352.820</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	63.762.297.883	(38.199.968.081)	69.617.506.524	(31.773.096.055)
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	2.786.500.000	(2.786.500.000)	2.786.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	11.960.847.357	-	11.960.847.357	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	5.114.913.673	-	5.114.913.673	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	6.500.000.000	(6.500.000.000)	6.500.000.000	(6.500.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn (i)	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Hồng (iv)	-	-	5.022.404.482	(5.022.404.482)
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng (ii)	16.181.874.581	-	1.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng (ii)	1.472.321.260	(13.309.592.737)	15.800.000.000	(6.564.643.459)
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	12.734.900.000	(958.034.332)	937.000.000	(297.307.157)
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	1.910.941.012	(1.910.941.012)	12.734.900.000	(11.477.799.945)
			1.910.941.012	(1.910.941.012)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	180.881.305.750	(136.168.214.250)	177.858.901.268	(106.927.628.167)
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	5.250.000.000	(4.701.639.690)	5.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	36.498.220.000	(5.721.846.656)	36.498.220.000	(3.370.277.929)
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	364.681.268	(27.717.637)	364.681.268	(34.297.961)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	6.000.000.000	(1.490.909.879)	6.000.000.000	(155.850.036)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	9.750.000.000	(9.750.000.000)	9.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	1.696.000.000	(1.367.202.241)	1.696.000.000	(1.367.202.241)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9 (iii)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	-	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	102.000.000.000	(102.000.000.000)	102.000.000.000	(102.000.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung (iii)	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn (i)	7.100.000.000	-	7.100.000.000	-
	5.022.404.482	(4.908.898.147)	-	-



	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	10.528.713.942	(1.700.000.000)	151.278.302.584	-
Góp vốn vào công ty khác	10.528.713.942	(1.700.000.000)	8.528.713.942	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1.038.110	-	1.038.110	-
Công ty Cổ phần Nhóm Sông Hồng	1.264.586.273	-	1.264.586.273	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	4.063.089.559	-	4.063.089.559	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9 (iii)	2.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Sông Hồng (Công ty Cổ phần Sông Hồng 6)	1.700.000.000	(1.700.000.000)	1.700.000.000	-
Đầu tư vào các dự án	-	-	142.749.588.642	-
Dự án Biệt thự Thanh Trì (v)	-	-	3.320.000.000	-
Dự án I1,I2,I3 Thái Hà (v)	-	-	136.929.588.642	-
Dự án tổ hợp Công trình đa chức năng Sông Hồng Tower - Tây Hồ Tây (v)	-	-	2.500.000.000	-
	<u>255.172.317.575</u>	<u>(176.068.182.331)</u>	<u>398.754.710.376</u>	<u>(138.700.724.222)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Hà Nội	55,73%	55,73%	Xây dựng công trình công nghiệp
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Hà Nội	43,25%	51,00%	Xây dựng công trình công nghiệp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Phú Thọ	57,78%	57,78%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	Đà Nẵng	76,37%	76,37%	Xây dựng công trình công nghiệp
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Hà Nội	51,00%	51,00%	Xây dựng công trình công nghiệp
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	Hà Nội	65,63%	65,63%	Xây dựng và phát triển các nguồn điện năng
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Hà Nội	57,08%	57,08%	Dịch vụ tư vấn thiết kế
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	Hà Nội	100,00%	100,00%	Xây dựng
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Hà Nội	100,00%	100,00%	Xây dựng

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	Hà Nội	32,81%	32,81%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	48,91%	48,91%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Hà Nội	21,00%	21,00%	Dịch vụ tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Hà Nội	22,39%	22,39%	Dịch vụ, xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	Hà Nội	21,70%	21,70%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	Hà Nội	48,75%	48,75%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	Hồ Chí Minh	48,15%	48,15%	Xây dựng







**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Ban quản lý dự án nâng cấp Đô thị Thành phố Cần Thơ	2.845.876.291	36.203.749.216
Sở Văn Hóa thể thao du lịch Tỉnh Nam Định	47.662.102.353	12.378.595.094
Các khoản phải thu khách hàng khác	253.493.646.476	264.855.640.707
	<u><u>304.001.625.120</u></u>	<u><u>313.437.985.017</u></u>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>	<u><u>69.040.587.593</u></u>	<u><u>67.184.908.377</u></u>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng (Sông Hồng 24)	35.715.758.445	49.921.998.121
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	126.390.086.131	112.085.435.871
Các khoản trả trước cho người bán khác	165.503.631.328	157.955.988.473
	<u><u>327.609.475.904</u></u>	<u><u>319.963.422.465</u></u>



7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	5.315.072.141	-	5.315.072.141	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.186.846.728	-	2.987.727.480	-
Tạm ứng	18.186.784.738	(377.814.119)	17.509.831.708	(394.612.319)
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.095.645.401	-	1.217.541.144	-
Phải thu các nhà thầu phụ về chi phí chi hộ tại:	2.344.968.634	-	10.279.321.171	-
- Ban điều hành Vũng Áng	872.168.642	-	1.248.105.396	-
- Ban điều hành Nam Định	1.472.799.992	-	1.290.045.471	-
- Ban điều hành Đà Nẵng	-	-	7.741.170.304	-
Phải thu ông Nguyễn Thạc Phúc khi bán giao giải thể chi nhánh Miền Trung	3.900.203.861	-	3.900.203.861	-
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Phong Phú	3.973.400.000	(3.973.400.000)	3.973.400.000	(3.973.400.000)
Phải thu Bộ Xây dựng công trình Bệnh viện Xây dựng Việt Trì	859.490.367	(859.490.367)	859.490.367	(859.490.367)
Phải thu Công ty Cổ phần Sông Hồng Số 12 (công nợ và lãi vay)	1.019.746.704	-	1.019.746.704	-
Phải thu các cá nhân tại Công ty điện tử, các cá nhân đã điều chuyển trong Tổng Công ty và các cá nhân đã nghỉ việc	2.212.222.004	(1.609.241.309)	3.823.157.819	(1.609.241.309)
Phải thu tiền cho thuê mặt bằng, tiền vay, lãi vay và các khoản công nợ khác	63.721.785.836	(368.316.390)	60.071.901.937	(398.316.390)
- Công ty Cổ phần Sông Hồng 6	27.893.362.959	-	27.893.362.959	-
- Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	11.933.524.444	-	11.643.674.444	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	647.080.947	-	647.080.950	-
- Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	8.702.653.581	-	7.073.974.181	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	8.269.712.895	-	7.813.809.403	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	651.454.293	-	666.937.928	-
- Khác	623.996.717	(368.316.390)	1.769.433.140	(398.316.390)
Phải thu Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung và Dự án Điện Nam - Điện Ngọc	1.485.000.000	-	1.485.000.000	-

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các nhà thầu phụ về chi phí vượt quyết toán	23.551.430.506	-	24.745.108.995	-
- <i>Yân phòng Tổng Công ty</i>	14.811.093.515	-	14.792.559.398	-
- <i>Ban điều hành Đà Nẵng</i>	8.740.336.991	-	9.952.549.597	-
Phí quản lý phải thu nhà thầu phụ (chưa xuất hóa đơn)	1.117.065.354	-	1.336.998.918	-
Phải thu tiền đầu tư vào Dự án Khu đô thị Tây Nam Việt Trì	1.031.687.426	-	1.031.687.426	-
Phải thu Ban Quản lý Dự án thoát nước Hà Nội (Doanh thu hợp đồng xây dựng chưa xuất hoá đơn)	10.561.248.766	-	-	-
Phí bảo lãnh phải thu các nhà thầu phụ (chưa phân bổ)	5.066.678.111	-	5.269.446.459	-
Phí bảo lãnh phải thu các nhà thầu phụ (đã phân bổ)	1.079.787.567	-	2.366.308.276	-
Phải thu nhà thầu tiền phạt để xóa lãi vay Ngân hàng	6.609.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	3.106.523.761	(210.395.259)	2.084.097.724	(210.395.259)
Phải thu về Bàn giao Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng về Bộ Xây dựng	65.219.780.509	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>225.644.368.414</b>	<b>(7.398.657.444)</b>	<b>151.712.413.198</b>	<b>(7.445.455.644)</b>
Phải thu BQL Dự án Thái Hà lợi nhuận được chia theo số tạm tính	103.921.529.131	-	93.026.670.594	-
Chuyển tiền cho BQL Dự án Thái Hà để nộp thuế	10.472.504.872	-	10.472.504.872	-
Đầu tư Dự án I1, I2, I3 Thái Hà	142.540.429.167	-	-	-
Dự án Biệt thự Thanh Trì	3.320.000.000	-	-	-
Dự án tổ hợp Công trình đa chức năng Sông Hồng Tower - Tây Hồ Tây	2.500.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	91.080.000	-
	<b>262.764.463.170</b>	-	<b>103.590.255.466</b>	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	175.954.135.934	-	174.266.280.323	-
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	166.075.552.174	-	164.067.335.785	-
- Các công trình khác	9.878.583.760	-	10.198.944.538	-
Hàng hóa (*)	38.780.000.000	-	38.780.000.000	-
	<b>214.734.135.934</b>	<b>-</b>	<b>213.046.280.323</b>	<b>-</b>

(\*): Khoản tiền Tổng Công ty chi ra để mua lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ, hiện các lô đất này đã được chuyển nhượng cho các cá nhân khác bên ngoài nhưng do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý nên vẫn đang theo dõi khoản tiền này trên khoản mục hàng tồn kho và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này trên khoản mục Người mua trả tiền trước trên báo cáo tài chính, số tiền: 38.780.000.000 VND.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Khách sạn Royal Sông Hồng (i)	30.660.504.429	28.855.012.139
Khu đô thị Sông Hồng - Nhon Trạch (ii)	8.654.357.927	8.607.661.565
Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 – tạm tính (iii)	23.725.454.545	23.725.454.545
Dự án Khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật (iv)	12.071.772.710	11.213.240.937
	<b>75.112.089.611</b>	<b>72.401.369.186</b>

Thông tin bổ sung liên quan tới các công trình xây dựng cơ bản dở dang:

(i): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện theo kế hoạch ban đầu là 18 tháng. Nhưng do khó khăn trong vấn đề cấp vốn nên Dự án phải kéo dài hơn so với kế hoạch. Tính đến thời điểm lập BCTC này, Dự án đã hoàn thành các hạng mục chính. Các hạng mục còn lại là Hệ thống điều áp và Thang máy sẽ được triển khai tiếp trong thời gian tới.

Theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 30/03/2015 của Hội đồng quản trị thì Tổng Công ty đang có kế hoạch tìm các đối tác đầu tư thành lập công ty để quản lý khai thác dự án, Tổng Công ty tham gia góp 45% vốn điều lệ tương ứng với phần chi phí đã bỏ ra.

Tài sản hình thành từ Dự án được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

(ii): Dự án Khu đô thị Sông Hồng - Nhon Trạch được thực hiện theo Quyết định số 237/QĐ-HĐQT-TCT ngày 25/11/2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức đầu tư là 820 tỷ đồng và thời gian thực hiện dự kiến là 5 năm. Theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐQT ngày 26/04/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn tiếp nhận, kế thừa các công tác và tiếp tục triển khai thực hiện Dự án.

(iii): Giá trị tạm tính phần diện tích văn phòng thuộc Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 được phân chia theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

(iv) Đây là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc chuẩn bị đầu tư, xây dựng công trình "Dự án khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật" theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 06/03/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia về việc thực hiện Dự án nhà ở cán bộ, công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia trên các lô đất 04 - BT3, 04 - CT2 và 04 - CT3 thuộc khu vực quy hoạch Bắc Cổ Nhuế - Chèm, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Theo thỏa thuận trong biên bản hợp ngày 26/11/2015 giữa Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng thì sau khi xây dựng hoàn thành, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đảm bảo cung cấp cho Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia khoảng 175 căn hộ để phục vụ cho cán bộ, công chức Nhà xuất bản với giá bán là 16.500.000 đồng/m<sup>2</sup> (giá bán đã bao gồm VAT và phí bảo trì). Phần diện tích và căn hộ đầu tư thêm, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia thống nhất để Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện bỏ vốn kinh doanh. Theo Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 22/07/2014 của Hội đồng Quản trị thì Dự án được thực hiện với tổng mức đầu tư là 1.595 tỷ và thời gian thực hiện là 03 năm từ quý I/2014 đến quý IV/2016. Tính đến thời điểm 31/12/2015, Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị giải phóng mặt bằng để thực hiện xây dựng công trình.



10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Đã điều chỉnh)

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	34.568.640.080	41.771.844.918	21.386.804.794	98.282.087.628						
- Mua trong năm	400.000.000	-	-	400.000.000						
- Tặng khác	300	49.854.910	-	13.182.118						
- Giảm khác (**)	(27.489.870.220)	(6.509.075.432)	(1.214.066.364)	(35.285.526.516)						
Số dư cuối năm	7.478.770.160	35.312.624.396	20.172.738.430	63.409.743.230						
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	7.644.624.979	20.817.444.975	10.139.051.780	38.966.857.607						
- Khấu hao trong năm (*)	546.652.170	4.247.402.095	2.256.672.759	7.182.938.916						
- Giảm khác (**)	(3.973.029.587)	(2.040.311.422)	(867.759.839)	(6.948.093.323)						
Số dư cuối năm	4.218.247.562	23.024.535.648	11.527.964.700	39.201.703.200						
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	26.924.015.101	20.954.399.943	11.247.753.014	59.315.230.021						
Tại ngày cuối năm	3.260.522.598	12.288.088.748	8.644.773.730	24.208.040.030						

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng là 2.549.734.684 VND.

(\*) Trong đó số khấu hao phải thu lại các đơn vị là: 5.446.786.045 VND.

(\*\*) Giảm do bán giao Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng và Bộ Xây dựng.



## 11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất tại Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng, trong năm 2015 đã bàn giao về Bộ Xây dựng.

## 12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u> VND	<u>01/01/2015</u> VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo lãnh dự thầu ngân hàng chờ kết chuyển	-	172.469.096
Chi phí khấu hao container, giàn mái che cho thuê nhưng chưa có doanh thu	-	161.386.915
Chi phí tư vấn đào tạo	-	142.857.143
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	42.218.905	29.064.545
Chi phí khác chờ kết chuyển	271.880.527	86.157.942
	<u><u>314.099.432</u></u>	<u><u>591.935.641</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí triển khai dự án	68.330.806	68.330.806
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	124.063.523	325.514.057
Giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng	3.533.333.320	4.333.333.324
Lợi thế thương mại phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp	21.866.828.619	25.120.867.171
- Lợi thế tại lô đất Số 70 An Dương - Hà Nội	21.644.353.275	24.898.391.827
- Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222.475.344	222.475.344
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	10.462.327
	<u><u>25.592.556.268</u></u>	<u><u>29.858.507.685</u></u>

105-  
TY  
HUU HA  
TOA  
SC  
19.11.15



13 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	16.024.000.000	16.024.000.000	2.766.298.203	12.366.298.203	6.424.000.000	6.424.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (i)	8.524.000.000	8.524.000.000	-	2.100.000.000	6.424.000.000	6.424.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	7.500.000.000	7.500.000.000	2.766.298.203	10.266.298.203	-	-
Vay đối tượng khác (ii)	351.626.747	351.626.747	31.900.000.000	27.251.626.747	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	6.660.335.927	6.660.335.927	196.011.749.321	5.205.531.809	197.466.553.439	197.466.553.439
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	2.909.608.234	2.909.608.234	2.909.608.234	1.454.804.116	4.364.412.352	4.364.412.352
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long	3.750.727.693	3.750.727.693	-	3.750.727.693	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh	-	-	193.102.141.087	-	193.102.141.087	193.102.141.087
	<b>23.035.962.674</b>	<b>23.035.962.674</b>	<b>230.678.047.524</b>	<b>44.823.456.759</b>	<b>208.890.553.439</b>	<b>208.890.553.439</b>
Vay dài hạn						
Vay dài hạn ngân hàng	210.986.105.837	210.986.105.837	-	6.245.531.809	204.740.574.028	204.740.574.028
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iii)	13.093.237.057	13.093.237.057	-	1.454.804.116	11.638.432.941	11.638.432.941
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long	3.750.727.693	3.750.727.693	-	3.750.727.693	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh (iv)	194.142.141.087	194.142.141.087	-	1.040.000.000	193.102.141.087	193.102.141.087
	<b>210.986.105.837</b>	<b>210.986.105.837</b>	<b>-</b>	<b>6.245.531.809</b>	<b>204.740.574.028</b>	<b>204.740.574.028</b>

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.660.335.927)	(6.660.335.927)	(196.011.749.321)	(5.205.531.809)	(197.466.553.439)	(197.466.553.439)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>204.325.769.910</b>	<b>204.325.769.910</b>			<b>7.274.020.589</b>	<b>7.274.020.589</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(i): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2509/2012/HĐTD ngày 25/09/2012 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy với tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 20.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng tối đa không quá 8 tháng; Hợp đồng tín dụng được gia hạn đến hết ngày 30/03/2015 theo thông báo V/v phê duyệt gia hạn nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy ngày 30/09/2014. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây lắp. Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2015 là 6.424.000.000 VND. Hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền sử dụng đất tại 70 An Dương, Tây Hồ, Hà Nội và Ngõ 49 đường Hùng Vương, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc với tổng giá trị là 6.050.000.000 VND.

(ii): Khoản vay Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Bông Sen vàng và bà Nguyễn Thị Ngọc Thu với thời hạn cho vay dưới 1 năm. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận từ 8,5 - 9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn. Các khoản vay được đảm bảo dưới hình thức tín chấp.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(iii): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 100092/NHNTHD ngày 17/05/2010 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, số tiền cho vay tối đa là 21.419.000.000 VND. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 72 tháng ngay sau khi kết thúc thời gian ân hạn, kỳ hạn trả nợ gốc là 06 tháng/1 kỳ. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ, được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo từng thời kỳ. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Khách sạn Royal Sông Hồng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tài sản thế chấp là công trình Khách sạn Royal Sông Hồng tại đường Phan Bội Châu, thành phố Lào Cai hình thành từ "Dự án đầu tư xây dựng công trình Khách sạn Royal Sông Hồng" và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng 02/HĐ-VEC/2011 và Hợp đồng 01/2011/CP-3.

(iv): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTDI ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn.



14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	119.079.663.296	119.079.663.296	103.963.926.978	103.963.926.978
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	48.343.885.059	48.343.885.059	46.601.206.114	46.601.206.114
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	16.614.169.229	16.614.169.229	36.019.514.670	36.019.514.670
Các công ty khác	151.552.545.409	151.552.545.409	170.979.758.456	170.979.758.456
	<b>335.590.262.993</b>	<b>335.590.262.993</b>	<b>357.564.406.218</b>	<b>357.564.406.218</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan ( <i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37</i> )	<b>221.738.893.476</b>	<b>221.738.893.476</b>	<b>226.165.058.377</b>	<b>226.165.058.377</b>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Ban Quản lý Dự án thoát nước Hà Nội	45.500.179.221	45.500.179.221	44.616.446.706	44.616.446.706
Các hộ dân Dự án biệt thự Tây Hồ	38.780.000.000	38.780.000.000	38.780.000.000	38.780.000.000
Công ty cổ phần Bất động sản Đông Đô - Bộ Quốc Phòng	24.200.000.000	24.200.000.000	-	-
Bà Lê Thị Minh Nguyệt	21.454.000.000	21.454.000.000	-	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	20.378.627.181	20.378.627.181	-	-
Các công ty khác	24.808.052.219	24.808.052.219	14.756.123.658	14.756.123.658
	<b>175.120.858.621</b>	<b>175.120.858.621</b>	<b>98.152.570.364</b>	<b>98.152.570.364</b>
b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan ( <i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37</i> )	<b>351.841.696</b>	<b>351.841.696</b>	-	-

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp/ Được hoàn trong năm	Số đã thực nộp	Giảm khác	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.911.274.091	545.455	5.539.404.036	5.690.998.665	4.090.906	7.138.058.513	71.644.342
Thuế thu nhập cá nhân	1.828.931	180.438.411	105.128.296	21.024.000	-	-	262.713.776
Thuế khác	6.195.489	371.417.980	6.195.489	-	-	-	371.417.980
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-
	<b>6.919.298.511</b>	<b>552.401.846</b>	<b>5.654.727.821</b>	<b>5.716.022.665</b>	<b>4.090.906</b>	<b>7.138.058.513</b>	<b>705.776.098</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	91.443.687.636	64.638.153.469
Trích trước giá vốn công trình	120.131.760.108	138.874.595.633
- Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I	61.207.475.147	61.207.475.147
- Công trình Nhà thi đấu Đà Nẵng và Trung tâm Hành chính	30.562.859.952	30.260.403.312
- Công trình Cấp thoát nước Hà Nội	15.100.060.278	17.220.701.385
- Công trình Nhà thi đấu Nam Định	4.091.302.055	4.091.302.055
- Công trình khác	9.170.062.676	26.094.713.734
Chi phí thiết kế bản vẽ thi công, khảo sát hiện trường	392.923.540	392.923.540
Chi phí thuê nhà	-	15.218.181
Chi phí khắc phục tổn thất	137.619.720	137.619.720
Chi phí phải trả khác	142.164.003	392.100.000
	<b>212.248.155.007</b>	<b>204.450.610.543</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	481.298.494	347.687.135
Bảo hiểm xã hội	2.843.072.644	1.038.325.097
Bảo hiểm y tế	514.051.796	180.987.023
Phải trả về cổ phần hóa	5.775.909.098	5.775.909.098
Bảo hiểm thất nghiệp	224.399.425	68.491.661
Phải trả sinh viên về tiền thu mua sổ tay và thẻ sinh viên	-	105.032.926
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.398.994.746	69.703.564.371
- Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	3.862.093.801	3.862.093.801
- Phải trả UBND Tỉnh Phú Thọ (Xi Măng Yên Mao)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải trả Ban quản lý dự án biệt thự Tây Hồ	600.000.000	600.000.000
- Cổ tức phải trả cổ đông	22.919.286.000	22.920.236.000
- Công ty Cổ phần Phát triển XD và XNK Sông Hồng	564.011.674	564.011.674
- Công ty Cổ phần Sông Hồng 36 (bảo lãnh thực hiện hợp đồng)	-	4.083.954.000
- Vay không tính lãi	2.586.548.716	1.000.000.000
- Lãi vay và lãi phạt phải trả	-	24.020.501.185
- Khoản lỗ tại chi nhánh Miền Đông trước cổ phần hóa chờ xử lý	9.578.124.594	9.578.124.594
- Các khoản phải trả khác	2.288.929.961	2.074.643.117
	<b>53.237.726.203</b>	<b>77.219.997.311</b>

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>		
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3 Dự án Thái Hà chờ quyết toán	231.721.064.783	230.110.224.258
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	2.111.705.096	1.519.000.000
Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo sổ tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà	26.098.000.000	26.098.000.000
Phải trả tiền ký quỹ để làm sổ đỏ biệt thự D3	200.000.000	200.000.000
Phải trả phải nộp dài hạn khác (i)	7.000.000.000	7.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vàng	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>267.130.769.879</b>	<b>264.927.224.258</b>

(i): Khoản vốn đã nhận theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 1453/TTDT-2011 ngày 29/08/2011 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vàng, các bên đồng ý hợp tác, đầu tư và kinh doanh thực hiện Dự án nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Việt Nam.

#### 19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng (*)	54.973.840.000	54.973.840.000
Doanh thu sử dụng thương hiệu Sông Hồng	272.727.272	515.151.515
	<b>55.246.567.272</b>	<b>55.488.991.515</b>

(\*): Doanh thu cho thuê văn phòng thuộc Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 theo hợp đồng số 06/2012/HDTVPTCT-SH Land ngày 04/09/2012 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của	Thặng dư vốn cổ	Quỹ đầu tư	Quỹ hỗ trợ sắp	Quỹ khác thuộc	Lợi nhuận	Cộng
	chủ sở hữu	phần	phát triển	xếp doanh nghiệp	vốn chủ sở hữu	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	270.000.000.000	22.519.497.214	25.467.820.640	25.981.000	5.734.901.309	(55.369.202.465)	268.378.997.698
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	11.666.418.389	11.666.418.389
Phân phối lợi nhuận	-	-	825.635.586	-	206.408.897	(1.238.453.380)	(206.408.897)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.590.315.040)	(2.590.315.040)
Số dư cuối năm trước	270.000.000.000	22.519.497.214	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(47.531.552.496)	277.248.692.150
Điều chỉnh hồi tố							
Tăng khác	-	-	-	-	-	10.046.006.095	10.046.006.095
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(11.235.645.777)	(11.235.645.777)
Số dư cuối năm trước sau điều chỉnh hồi tố	270.000.000.000	22.519.497.214	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(48.721.192.178)	276.059.052.468
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(48.596.805.904)	(48.596.805.904)
Số dư cuối năm nay	270.000.000.000	22.519.497.214	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(97.317.998.082)	227.462.246.564

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	197.631.780.000	73,20	197.631.780.000	73,20
Công ty Chứng khoán Thiên Việt	22.310.000.000	8,26	22.280.000.000	8,25
Các đối tượng khác	50.058.220.000	18,54	50.088.220.000	18,55
	<b>270.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	270.000.000.000	270.000.000.000
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	270.000.000.000	270.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.000.000	27.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.000.000	27.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.000.000	27.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

e) Các quỹ của Tổng Công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.293.456.226	26.293.456.226
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.941.310.206	5.941.310.206
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	25.981.000	25.981.000
	<b>32.260.747.432</b>	<b>32.260.747.432</b>

21 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	140.554.124	147.023.184
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	3.429.944.431	4.184.247.495
Chi sự nghiệp	(2.639.452.472)	(4.190.716.555)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<b>931.046.083</b>	<b>140.554.124</b>



**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

a) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
USD	20,00	20,00

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tổng số nợ khó đòi đã xử lý là 73.782.260 VND của Công ty Cổ phần Indesco Sông Hồng.

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.810.235.058	23.518.475.550
Doanh thu bán hàng	3.391.428.954	3.756.102.090
Doanh thu hợp đồng xây dựng	497.617.078.174	841.892.250.124
	<u><u>502.818.742.186</u></u>	<u><u>869.166.827.764</u></u>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>	<u><u>1.028.997.438</u></u>	<u><u>12.358.376.301</u></u>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	657.509.978	1.829.735.980
Giá vốn hàng bán	3.439.133.287	3.756.102.090
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	493.641.252.947	838.765.410.969
	<u><u>497.737.896.212</u></u>	<u><u>844.351.249.039</u></u>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	989.622.952	8.050.800.312
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	13.978.572.785	654.255.831
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	140.000.000	6.358.820.000
	<u><u>15.108.195.737</u></u>	<u><u>15.063.876.143</u></u>

(\*) Trong đó bao gồm khoản lợi nhuận tạm tính được chia từ Dự án Thái Hà là 10.894.858.537 VND.

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

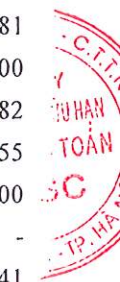
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	10.693.797.901	2.528.429.169
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	382.689.982
Dự phòng tổn thất đầu tư	37.367.458.109	10.711.220.870
Chi phí tài chính khác	29.857.840	-
	<b>48.091.113.850</b>	<b>13.622.340.021</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.236.533.640	4.157.707.917
Chi phí nhân công	17.489.008.537	19.705.526.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.487.190.572	1.534.092.709
Thuế, phí và lệ phí	1.015.903.520	1.083.848.514
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(234.076.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.904.306.277	3.188.740.070
Chi phí khác bằng tiền	3.225.302.096	5.414.942.053
	<b>33.124.168.642</b>	<b>35.084.857.781</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng	3.024.749.521	4.127.864.961
Phí thầu chính, thầu phụ	8.389.870.787	2.960.088.781
Bán cọc bê tông, đóng cọc bê tông	-	4.288.300.500
Thu nhập từ làm lán trại	-	55.086.382
Thu nhập tiền thương hiệu	242.424.243	454.545.455
Thu nhập từ góp vốn, thanh lý tài sản	-	475.000.000
Thu nhập từ cho thuê tài sản	383.686.969	-
Chi phí lãi vay và chi phí khấu hao TSCĐ quản lý và sử dụng tại Công ty TNHH MTV Cơ Giới và Xây dựng Sông Hồng và Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	5.741.569.669	6.193.913.841
Thu nhập khác	377.273.220	331.323.112
	<b>18.159.574.409</b>	<b>18.886.123.032</b>
<b>Thu nhập khác đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	<b>2.979.551.915</b>	<b>7.890.349.953</b>



**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm	155.323.047	50.370.219
Chi phí bán cọc bê tông, đóng cọc bê tông	-	4.288.300.500
Thanh lý tài sản	-	2.687.874
Chi phí lãi vay và chi phí khấu hao TSCĐ quản lý và sử dụng tại Công ty TNHH MTV Cơ Giới và Xây dựng Sông Hồng và Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	5.446.786.044	5.134.861.092
Chi phí khác	128.030.441	151.387.801
	<b>5.730.139.532</b>	<b>9.627.607.486</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(48.596.805.904)	430.772.612
Các khoản điều chỉnh tăng	336.578.447	295.988.000
- Chi phí khấu hao ô tô có nguyên giá lớn hơn 1,6 tỷ VND	91.988.000	91.988.000
- Chi phí không hợp lệ	244.590.447	204.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	13.978.572.785	(10.653.894.727)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.978.572.785	654.255.831
- Kết chuyển lỗ	-	(11.308.150.558)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(34.281.654.672)	(9.927.134.115)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	471.719.875
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	20.621.557
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(492.341.432)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.417.058.452	4.542.158.973
Chi phí nhân công	20.541.237.700	22.867.258.203
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.747.337.164	1.755.027.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	498.508.855.119	822.575.249.011
Chi phí khác bằng tiền	5.304.499.212	6.914.762.653
	<b>532.518.987.647</b>	<b>858.654.456.417</b>



**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích hình ảnh cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

**Tại ngày 31/12/2015**

Tiền và tương đương tiền	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
	17.442.652.946	-	-	17.442.652.946
Phải thu khách hàng, phải thu khác	502.203.610.869	262.764.463.170	-	764.968.074.039
Đầu tư dài hạn	-	-	8.828.713.942	8.828.713.942
	<u>519.646.263.815</u>	<u>262.764.463.170</u>	<u>8.828.713.942</u>	<u>791.239.440.927</u>

	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và tương đương tiền	18.320.352.820	-	-	18.320.352.820
Phải thu khách hàng, phải thu khác	437.400.157.290	103.590.255.466	-	540.990.412.756
Đầu tư dài hạn	-	-	151.278.302.584	151.278.302.584
	<b>455.720.510.110</b>	<b>103.590.255.466</b>	<b>151.278.302.584</b>	<b>710.589.068.160</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	208.890.553.439	7.274.020.589	-	216.164.574.028
Phải trả người bán, phải trả khác	388.827.989.196	267.130.769.879	-	655.958.759.075
Chi phí phải trả	212.248.155.007	-	-	212.248.155.007
	<b>809.966.697.642</b>	<b>274.404.790.468</b>	-	<b>1.084.371.488.110</b>

**Tại ngày 01/01/2015**

Vay và nợ	23.035.962.674	204.325.769.910	-	227.361.732.584
Phải trả người bán, phải trả khác	434.784.403.529	264.927.224.258	-	699.711.627.787
Chi phí phải trả	204.450.610.543	-	-	204.450.610.543
	<b>662.270.976.746</b>	<b>469.252.994.168</b>	-	<b>1.131.523.970.914</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



### 33 . THÔNG TIN KHÁC

Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác, tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2014-2015 theo Nghị quyết của Trung ương khóa IX và sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Xây dựng về nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 3351/BXD-QLDN ngày 18/12/2014 về việc chấp thuận phương án tái cấu trúc và nâng cao quản trị Tổng Công ty giai đoạn 2014-2015 và mục tiêu 2020. Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại 17 đơn vị bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng đô thị Sông Hồng, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long, Công ty Cổ phần Sông Hồng 8, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội, Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng, Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng, Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung, Công ty Cổ phần Sông Hồng 36, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng, Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9, Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô, Công ty Cổ phần Sông Hồng 6, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh BĐS Hà Nội Sông Hồng, Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát. Năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng.

Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty CP Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

### 34 . CAM KẾT VỀ ĐẦU TƯ KHÁC

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai dự án.

### 35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

### 36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh:

Doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty trong năm 2015 chủ yếu phát sinh từ hoạt động xây lắp với tỷ trọng chiếm trên 90% của Tổng doanh thu và lợi nhuận. Do đó, Tổng Công ty không thực hiện trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

#### Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chỉ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu phụ phí xây dựng và vật liệu</b>		<b>1.028.997.438</b>	<b>12.358.376.301</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	382.240.993	9.942.451.717
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Công ty con	64.593.192	1.117.362.948
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	-	842.037.677
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Công ty liên kết	447.952.640	224.548.139
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Công ty con	134.210.613	231.975.820
<b>Thu nhập khác - Cho thuê mặt bằng</b>		<b>2.698.025.580</b>	<b>2.783.021.680</b>
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Công ty con	416.640.000	447.185.455
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Công ty con	357.120.000	357.120.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	273.792.000	273.792.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	Công ty con	167.593.860	203.506.830
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	Công ty con	165.912.000	165.912.000
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Công ty con	36.996.751	-



	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Thu nhập khác - Cho thuê mặt bằng và tài sản</b>			
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	315.840.000	315.840.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Công ty liên kết	151.032.000	151.032.000
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Công ty liên kết	-	190.110.520
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Công ty con	383.686.969	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	Công ty liên kết	165.912.000	279.252.875
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	Công ty liên kết	263.500.000	399.270.000
<b>Thu nhập khác - Phụ phí quản lý</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	281.526.335 36.950.857	819.027.773 -
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	Công ty liên kết	27.964.673	536.409.958
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Công ty con	23.439.085	-
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	Công ty con	20.059.262	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	49.667.884	244.314.451
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	Công ty liên kết	11.424.634	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Công ty con	58.917.072	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	Công ty con	3.167.532	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Công ty liên kết	49.935.336	48.992.238
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	Công ty liên kết	-	(10.688.874)
<b>Thu nhập khác - Bán cọc bê tông, đóng cọc bê tông</b>			
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	Công ty con	-	4.288.300.500
		-	4.288.300.500
<b>Thuê lại thi công xây lắp</b>			
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Công ty con	198.674.997.177 -	435.543.678.233 3.319.642.827
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Công ty con	8.157.983.384	26.356.398.010
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Công ty con	-	897.486.366
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	138.685.274.182	302.977.205.040

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Công ty con	2.193.248.182	1.670.175.455
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Công ty liên kết	-	878.607.505
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Công ty liên kết	-	1.307.372.288
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	Công ty liên kết	-	773.685.831
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	Công ty liên kết	(10.000.000)	8.785.270.000
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	Công ty liên kết	45.533.404.794	87.976.312.184
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Công ty liên kết	4.078.453.635	601.522.727
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng đô thị Sông Hồng	Công ty con	36.633.000	-
<b>Cho vay</b>		<b>2.834.263.120</b>	<b>7.074.364.457</b>
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Công ty con	600.165.000	1.838.272.769
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Công ty con	-	69.821.882
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	-	654.255.831
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	Công ty liên kết	-	717.328.250
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	Công ty con	-	28.322.338
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Công ty con	234.098.120	613.175.489
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	Công ty liên kết	-	2.460.919.741
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	Công ty liên kết	-	692.268.157
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Công ty liên kết	2.000.000.000	-
<b>Đi vay</b>		<b>5.700.000.000</b>	<b>1.449.838.102</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Công ty con	4.200.000.000	57.089.801
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	Công ty liên kết	-	1.349.967.047
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Công ty liên kết	1.000.000.000	-
Ông Đặng Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	-	42.781.254

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		-	<b>5.930.361.818</b>
Công ty TNHH MTV Cơ Giới và Xây dựng Sông Hồng	Công ty con	-	5.930.361.818
<b>Lãi vay phải thu trong năm</b>		-	<b>16.341.688.801</b>
Công ty TNHH MTV Cơ giới và xây dựng Sông Hồng	Công ty con	-	1.312.632.898
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Công ty con	-	223.545.137
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Công ty con	-	461.319.444
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Công ty liên kết	-	14.344.191.322
<b>Lãi vay phải trả</b>		<b>43.362.821</b>	<b>57.089.801</b>
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	Công ty con	43.362.821	57.089.801

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>69.040.587.593</b>	<b>67.184.908.377</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sông Lô	Công ty con	164.906.606	164.906.606
Công ty Cổ phần Năng Lượng Sông Hồng	Công ty liên kết	13.776.454	13.776.454
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	Công ty liên kết	13.379.149.337	13.136.225.196
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	Công ty liên kết	422.415.865	422.415.865
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	Công ty liên kết	19.785.826	711.342.582
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Công ty con	7.594.011.252	5.438.486.362
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	Công ty liên kết	3.843.175.192	3.843.175.192
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Công ty con	3.191.001.774	3.303.201.774
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 (Sông Hồng Đà Nẵng)	Công ty con	8.401.928.561	8.401.928.561
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	Công ty liên kết	205.990.037	205.990.037
Công ty TNHH MTV Cơ Giới và Xây dựng Sông Hồng	Công ty con	24.240.140.312	20.556.367.625
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Công ty con	7.072.681.080	10.285.442.548

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	31.123.850	241.148.128
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Công ty liên kết	460.501.447	460.501.447
		<b>222.371.780.545</b>	<b>190.509.733.485</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Công ty con	25.330.754.863	26.766.567.994
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Công ty con	25.051.202.737	23.646.878.711
Công ty CP Sông Hồng 36	Công ty liên kết	8.858.279.190	13.315.248.945
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Công ty con	25.009.826.893	3.016.337.529
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	Công ty liên kết	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	Công ty liên kết	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Công ty liên kết	1.931.630.731	1.879.264.435
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Sông Hồng	Công ty liên kết	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Công ty liên kết	126.390.086.131	112.085.435.871
		<b>40.523.875.250</b>	<b>39.584.496.571</b>
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Công ty liên kết	1.485.000.000	1.485.000.000
Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và thương mại Sông Hồng	Công ty con (Đã thoái vốn)	-	273.131.255
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	Công ty liên kết	14.293.128.007	14.317.501.368
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Công ty liên kết	8.747.920.720	7.119.241.320
Công ty Cổ phần Sông Hồng số 8 (Metroco)	Công ty liên kết	175.620.572	220.882.350
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Công ty con	9.644.831.299	9.190.323.262
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Sông Hồng	Công ty liên kết	578.580.280	891.692.484
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	725.304.140	962.575.132
Công ty CP Xây dựng Sông Hồng 24 (Sông Hồng Đà Nẵng)	Công ty con	507.287.081	518.668.185
Công ty TNHH MTV Cơ Giới và Xây dựng Sông Hồng	Công ty con	382.163.489	784.634.037
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Công ty con	247.574.253	662.973.318
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	36.309.232	347.424.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	Công ty con	1.262.320.463	223.857.513

05 - C  
GTY  
KIỂM HỮU  
KIỂM T  
ASO  
KIỂM

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Công ty con	59.955.474	499.918.472
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Công ty con	1.730.799.293	1.439.592.928
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	Công ty liên kết	647.080.947	647.080.947
		<b>221.738.893.476</b>	<b>226.165.058.377</b>
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	Công ty liên kết	8.818.857.996	8.654.207.912
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Công ty liên kết	831.941.257	335.642.259
Công ty Cổ phần Sông Hồng số 8 (Metroco)	Công ty liên kết	4.715.522.309	3.689.611.284
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	Công ty liên kết	16.614.169.229	36.019.514.670
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Công ty liên kết	-	166.468.256
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	119.079.663.296	104.003.071.214
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Công ty con	49.946.245.474	46.601.206.114
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Công ty con	-	4.122.913.770
Công ty CP Xây dựng Sông Hồng 24 (Sông Hồng Đà Nẵng)	Công ty con	256.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ Giới và Xây dựng Sông Hồng	Công ty con	13.007.333.348	14.058.144.902
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Công ty con	950.135.291	849.599.346
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	Công ty con	282.018.893	282.018.893
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	Công ty liên kết	1.275.927.812	1.275.927.812
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	Công ty liên kết	38.942.931	38.942.931
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Công ty con	1.625.391.115	1.625.391.115
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công Trình Giao thông Hà Nội	Công ty liên kết	4.259.894.699	4.442.397.899
Công ty Cổ phần Sông Hồng số 36	Công ty liên kết	292.593.826	-

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>351.841.696</b>	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	Công ty liên kết	344.341.696	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông hồng	Công ty con	7.500.000	-
<b>Phải trả khác</b>		<b>17.578.124.594</b>	<b>17.045.037.111</b>
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	Công ty liên kết	9.578.124.594	9.578.124.594
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Công ty con	8.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	Công ty liên kết	-	1.466.912.517
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT		2.072.812.510	2.669.495.949



*Ngại ra, một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay:*

Số liệu theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi		
Mã số	Khoản mục	Số tiền (Đã điều chỉnh)	Mã số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
<b>a/ Bảng Cân đối kế toán</b>						
135	Các khoản phải thu khác	132.985.040.346	136	Phải thu ngắn hạn khác	151.712.413.198	18.727.372.852
158	Tài sản ngắn hạn khác	18.727.372.852	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(18.727.372.852)
218	Phải thu dài hạn khác	103.499.175.466	216	Phải thu dài hạn khác	103.590.255.466	91.080.000
268	Tài sản dài hạn khác	91.080.000	268	Tài sản dài hạn khác	-	(91.080.000)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	72.401.369.186	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	72.401.369.186	-
311	Vay và nợ ngắn hạn	23.035.962.674	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23.035.962.674	-
312	Phải trả người bán	357.564.406.218	311	Phải trả người bán ngắn hạn	357.564.406.218	-
316	Chi phí phải trả	201.289.476.267	315	Chi phải phải trả ngắn hạn	204.450.610.543	3.161.134.276
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.219.997.311	319	Phải trả ngắn hạn khác	77.219.997.311	-
333	Phải trả dài hạn khác	264.927.224.258	337	Phải trả dài hạn khác	264.927.224.258	-
334	Vay và nợ dài hạn	204.325.769.910	338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	204.325.769.910	-